

Số: 14 /QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 12 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2014

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Xét tờ trình số 04/TTr-HĐXT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp thành phố Rạch Giá năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp thành phố Rạch Giá năm 2014 cho 35 người (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Viên chức được tuyển dụng có tên trong danh sách tại Điều 1 được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND & UBND thành phố, Trưởng phòng Nội vụ thành phố, Trưởng Đài truyền thanh thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Thủ trưởng các ngành có liên quan và các viên chức có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

-Như điều 3;

-Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phích

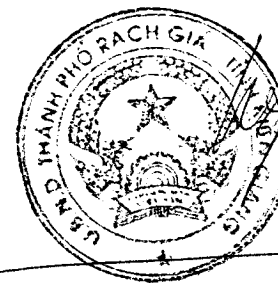
DANH SÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRÚNG TUYỂN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Năm sinh	Nữ	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chức danh nghề nghiệp (Mã ngạch)	Hạng chức danh nghề nghiệp	Điểm kết quả học tập quy đổi theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp quy đổi theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Ghi chú
1	025	Trần Thị Thanh Hương	07/11/1992	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	77.00		100.00	354.00	
2	049	Thị Oánh Ny	10/3/1990	x	Giồng Riềng, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	75.40		100.00	350.80	
3	028	Phan Như Huỳnh	09/12/1993	x	Châu Thành, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	72.60		100.00	345.20	
4	056	Phạm Thị Bích Quý	10/7/1993	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	74.00		95.00	338.00	
5	010	Nguyễn Thùy Dương	29/4/1989	x	Châu Thành, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	63.70		100.00	327.40	
6	050	Nguyễn Thị Thúy Oanh	30/12/1990	x	Vĩnh Thuận, Kiên Giang	CDSP mầm non	15a.206	III	64.50		99.00	327.00	
7	173	Danh Ngọc Thảo Nguyên	20/10/1992	x	Giồng Riềng, Kiên Giang	ĐHSP. Tiểu học	15a.203	III	90.25		99.00	378.50	
8	142	Vòng Thị Bích Liên	12/5/1992	x	Phú Quốc, Kiên Giang	CN Giáo dục tiểu học	15a.203	III	80.10		100.00	360.20	
9	115	Nguyễn Thị Hằng	09/01/1992	x	Kiên Lương, Kiên Giang	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	80.00		100.00	360.00	
10	242	Nguyễn Thị Ngọc Trang	19/03/1993	x	Đồng Tháp	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	79.10		100.00	358.20	
11	146	Trần Thị Ngọc Linh	04/01/1993	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	77.40		97.50	349.80	
12	211	Lâm Ngô Việt Tây Thi	02/02/1993	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	74.80		99.50	348.60	
13	261	Vũ Thị Thanh Xuân	20/10/1992	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	Cử nhân Sư phạm Tiểu học	15a.203	III	90.50		83.00	347.00	
14	243	Nguyễn Thị Thủy Trang	23/8/1993	x	Nông Cống, Thanh Hoá	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	73.00		100.00	346.00	
15	107	Thị Giàu	07/8/1992	x	Châu Thành, Kiên Giang	CDGD. Tiểu học	15a.204	III	72.60		100.00	345.20	
16	218	Trang Trúc Thủy	20/5/1993	x	Rạch Giá, Kiên Giang	CD. Giáo dục tiểu học	15a.204	III	77.30		94.00	342.60	
17	156	Trần Thị Tôn Nữ Diễm My	18/7/1992	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	ĐHSP Mỹ Thuật	15a.203	III	77.00		100.00	354.00	
18	207	Danh Minh Thành	02/6/1987		Châu Thành, Kiên Giang	Cử nhân GD Thể chất	15a.203	III	74.40	90.00	94.00	352.40	
19	106	Nguyễn Thị Ngọc Giao	29/9/1993	x	Tân Hiệp, Kiên Giang	CD. Sư phạm tiếng Anh	15a.204	III	76.90		100.00	353.80	
20	127	Lê Thị Xuân Hương	15/12/1991	x	Gò Quao, Kiên Giang	CD. Anh Văn (NVSP)	15a.204	III	70.10	80.00	100.00	350.10	
21	193	Lê Châu Phương	12/4/1986	x	Hà Tiên, Kiên Giang	ĐH sư phạm Tiếng Anh	15a.204	III	74.50		100.00	349.00	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Năm sinh	Nữ	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chức danh nghề nghiệp (Mã ngạch)	Hạng chức danh nghề nghiệp	Điểm kết quả học tập quy đổi theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp quy đổi theo thang điểm 100 (hệ số 1)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	Tổng điểm	Ghi chú
22	290	Võ Thị Mỹ Phương	26/5/1992	x	Rạch Giá, Kiên Giang	ĐHSP. lịch sử	15a.201	III	99.00		98.00	394.00	
23	299	Nguyễn Linh Chi Thy	23/01/1984	x	Rạch Giá, Kiên Giang	ĐHSP. Sinh + ĐH CNTT (CDSP sinh - hóa)	15a.201	III	81.10		91.00	344.20	
24	270	Võ Tấn Bang	02/11/1991		Rạch Giá, Kiên Giang	CDSP. Giáo dục thể chất	15a.202	III	66.80		98.00	329.60	
25	295	Trần Thị Thu	08/02/1988	x	Nghĩa Hưng, Nam Định	ĐHSP. Tin học	15a.201	III	77.10		82.50	319.20	
26	292	Trần Mạnh Quân	20/4/1984		Rạch Giá, Kiên Giang	CD. Toán - Lý	15a.202	III	63.50		97.00	321.00	
27	034	Phạm Thanh Lan	19/8/1991	x	Hồng Gai, Quảng Ninh	Trung cấp điều dưỡng nha	16119	IV	65.00	65.00	100.00	330.00	
28	058	Hoàng Thị Quỳnh	06/02/1992	x	Hải Âu, Nam Định	CD. Điều dưỡng	16119	IV	66.50		98.00	329.00	
29	043	Trần Thị Hồng Nguyên	15/4/1983	x	Mỏ Cây Bắc, Bến Tre	Trung học dược sỹ	16119	IV	71.00	70.00	90.00	321.00	
30	055	Hà Thị Thúy Phượng	15/8/1981	x	Thái Thụy, Thái Bình	Y Sĩ	16119	IV	73.00	74.00	69.00	285.00	
31	040	Lê Thị Ngọc Nam	17/8/1991	x	Rạch Giá, Kiên Giang	ĐH. Tài chính ngân hàng	06031	III	89.75		100.00	379.50	
32	018	Trần Tuyết Hạnh	28/12/1984	x	Trung Quốc	Trung cấp kế toán	06032	IV	75.00	76.70	100.00	351.70	
33	236	Trần Thị Mến	07/9/1991	x	Gò Quao, Kiên Giang	TC kế toán	06032	IV	76.00	76.70	94.00	340.70	Đài Truyền thanh
34	239	Châu Văn Út	15/10/1987		An Minh, Kiên Giang	TC. Điện tử viễn thông	17.153	IV	70.00	61.70	97.50	326.70	Đài Truyền thanh
35	233	Nguyễn Văn Đáng	07/9/1977		An Biên, Kiên Giang	TC. Công nghệ thông tin	13.096	IV	61.00	50.00	90.00	291.00	Đài Truyền thanh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phích